

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 07-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Đức Thành.

Ông Nguyễn Đình Tiếp.

Ông Đỗ Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh D; sinh ngày 23 tháng 11 năm 1987 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ X, khu phố T, phường T1, thị xã T2, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng N và bà Trần Tuyết H; tiền án: ngày 22 tháng 02 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã T3, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” (Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2013/HS-ST) và ngày 02 tháng 02 năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã T2, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2016/HS-ST); nhân thân: ngày 02 tháng 3 năm 2005, bị Công an huyện (nay là thị xã) T2, tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” đến ngày 30 tháng 5 năm 2005 được đình chỉ điều tra do bị hại rút yêu cầu khởi tố; bị bắt, tạm giam ngày 26 tháng 7 năm 2019 (có mặt).

2. Huỳnh Thanh V; sinh ngày 25 tháng 01 năm 1997 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số X1 Tổ X2, Ấp X3, xã H1, thị xã T2, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Y và bà Phạm Thị Thanh T4; tiền án: không; tiền sự: ngày 01 tháng 3 năm 2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H1, thị xã T2, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp giáo dục về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 40/QĐ-UBND), đã chấp hành xong; bị bắt, tạm giam ngày 31 tháng 5 năm 2019 (có mặt).

3. Huỳnh Hoàng S; sinh ngày 25 tháng 4 năm 1989 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số X4, khu phố T5, phường A, thành phố T3, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hoàng G và bà Lưu Thị H; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 23 tháng 4 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T3, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 138/2015/HS-ST), đã chấp hành xong; bị bắt, tạm giam từ ngày 27 tháng 7 năm 2019 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Văn V1 là Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương bào chữa cho bị cáo D và bị cáo V (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lâm Phú C (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị Bích T6 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thanh D và bị cáo Huỳnh Thanh V nghiện ma túy và sống chung như vợ chồng từ khoảng tháng 11 năm 2018 tại nhà không số thuộc Tổ X5, Khu phố X, phường A1, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương. Bị cáo D thường mua ma túy của người tên Trương Đức M1 và người tên A2 (không rõ lai lịch) giao cho bị cáo V chia ra để bán và cùng sử dụng. Người mua ma túy liên hệ với bị cáo D để thỏa thuận địa điểm, số lượng ma túy và giá ma túy. Bị cáo V phân chia ma túy để bị cáo D trực tiếp đi giao ma túy. Khi bán tại nhà, một số lần bị cáo V trực tiếp giao ma túy và thu tiền của người mua rồi giao tiền lại cho bị cáo D.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5 năm 2019, Công an phường A1, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương phối hợp với Đội Cảnh sát Điều tra về ma túy - Công an thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính nơi ở của các bị cáo D, V thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy

trong phòng, 05 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng (bị cáo V tự nguyện lấy từ trong tủ nhựa màu xanh ra nộp), 02 cân tiểu ly.

Bị cáo D biết bị cáo V bị bắt nên bỏ trốn và tiếp tục mua bán trái phép chất ma túy. Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 26 tháng 7 năm 2019, bị cáo D bị bắt và bị thu giữ 08 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 (một) ô tô nhãn hiệu KIA (biển số 61A-X7), 01 (một) cân điện tử và 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra xác định được người mua ma túy của các bị cáo D và V như sau:

Từ đầu tháng 6 năm 2019 đến ngày 26 tháng 7 năm 2019, bị cáo Huỳnh Hoàng S đã mua ma túy của bị cáo D 05 lần, mỗi lần 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Ngày 26 tháng 7 năm 2019, bị cáo S mua ma túy của bị cáo D với số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng rồi đưa về phòng trọ số 10 tại số X6, khu phố T7, phường A, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương chia thành 05 túi nylon nhỏ cất giấu để sử dụng. Khoảng 07 giờ ngày 27 tháng 7 năm 2019, bị cáo S bị bắt quả tang, thu giữ 05 túi nylon miệng kéo dính, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Từ đầu tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 5 năm 2019, bà Nguyễn Thị Bích T6 đã mua ma túy của các bị cáo D và V 15 lần, mỗi lần từ 500.000 (năm trăm nghìn) đồng đến 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng. Trong đó, bị cáo V bán cho T6 03 - 04 lần tại chỗ ở của bị cáo V. Ngày 31 tháng 5 năm 2019, bà T6 đến nhà của các bị cáo D và V để mua ma túy nhưng chưa mua được thì bị phát hiện.

Ông Lâm Phú C đã mua ma túy của các bị cáo D và V nhiều lần, mỗi lần từ 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đến 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tại nhà của các bị cáo (Bị cáo D bán cho ông C 10 lần. Bị cáo V bán cho ông C 05 đến 06 lần).

Tại Kết luận giám định số 429/MT-PC09 ngày 07 tháng 6 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương xác định: chất tinh thể màu trắng trong 05 túi nylon thu giữ của bị cáo V là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng/trọng lượng là 63,5757 gam.

Tại Kết luận giám định số 581/MT-PC09 ngày 31 tháng 8 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương xác định: chất tinh thể màu trắng trong 08 túi nylon thu giữ của bị cáo D là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng/trọng lượng là 50,2479 gam.

Tại Kết luận giám định số 583/MT-PC09 ngày 02 tháng 8 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương xác định: chất tinh thể màu trắng trong 05 (năm) túi nylon thu giữ của bị cáo S là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng/trọng lượng là 2,5251 gam.

Người tên là Trương Đức M1 (bán ma túy cho bị cáo D) đã bị bắt tạm giam để điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Người tên là A2 không rõ lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra, xử lý.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bà Nguyễn Thị Bích T6 và ông Lâm Phú C, Công an thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 61A-X7 thu giữ của bị cáo D là xe bị cáo D thuê của ông Nguyễn Như H3. Ông H3 không biết bị cáo D sử dụng xe ô tô này để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe ô tô này cho ông H3.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS.P2 ngày 14 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định: Truy tố bị cáo Lê Thanh D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo Huỳnh Thanh V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Huỳnh Hoàng S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đảm bảo tính hợp pháp, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Số lượng ma túy mà bị cáo D mua bán trái phép là 116,3487 gam ma túy loại Methamphetamine. Số lượng ma túy mà bị cáo V mua bán trái phép là 63,5757 gam loại Methamphetamine. Số lượng ma túy mà bị cáo S tàng trữ trái phép là 2,5251 gam loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo D có tính chất, mức độ nguy hiểm cao nhất, chủ động, cầm đầu việc mua bán ma túy, rủ rê bị cáo V phạm tội, mua ma túy rồi giao cho bị cáo V phân chia và nhiều lần trực tiếp bán cho bị cáo S, bà T6 và ông C. Thời điểm bị cáo V bị bắt, bị cáo D bỏ trốn, tiếp tục mua bán ma túy thể hiện sự táo toan, nguy hiểm. Bị cáo D có 02 tình tiết tăng nặng là phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo V giúp sức cho bị cáo D phân chia, bán ma túy và thu tiền, có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên nên cần áp dụng mức án nghiêm đối với bị cáo V nhưng thấp hơn mức án của bị cáo D. Bị cáo S tàng trữ trái phép chất ma túy, có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên cần áp dụng mức án nghiêm. Cả 03 bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g và h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh D 20 (hai mươi) năm tù; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều

51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh V từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàng S từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù và xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo D, V phát biểu: Người bào chữa thống nhất với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo D và V nhưng không thống nhất về áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với các bị cáo D và V vì số lượng ma túy thu giữ trong vụ án đã là căn cứ định tội thì không áp dụng là tình tiết tăng nặng. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo D và V như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn, thiếu suy nghĩ dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo D có con còn nhỏ, có bà nội là người có công cách mạng nhưng do bị tạm giam nên bị cáo không có điều kiện để cung cấp, mong Hội đồng xét xử xem xét kéo dài thời gian nghị án để bị cáo cung cấp. Trước đó, các bị cáo D và V từng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Hành vi của các bị cáo là đáng lên án nhưng hành vi xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo. Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo sớm hòa nhập cộng đồng, sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo D, V và S không tự bào chữa.

Kiểm sát viên tranh luận: Hai chế định khung và tăng nặng là khác nhau. Tình tiết các bị cáo D và V phạm tội 02 lần trở lên không phải là tình tiết định khung nên Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết này là tình tiết tăng nặng. Đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị tạo điều kiện cho bị cáo D cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của người bào chữa vì bị cáo có quyền kháng cáo nên có thể cung cấp ở Tòa án cấp phúc thẩm.

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo D mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để sớm hòa nhập cộng đồng và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo V và S vì bị cáo V do bị cáo rủ rê nên mới phạm tội. Các bị cáo V và S mong Hội đồng xét xử áp dụng mức án nhẹ để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương và Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người

bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Bích T6 và ông Lâm Phú C dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, quyết định xét xử vắng mặt bà T6 và ông C.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo D, V và S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo D và bị cáo V đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Số lượng ma túy bị cáo D mua bán trái phép gồm 63,5757 gam ma túy bị cáo D mua về để cùng với bị cáo V mua bán (thu giữ được tại chỗ ở của bị cáo D vào ngày 31 tháng 5 năm 2019) và 50,2479 gam ma túy thu giữ trong túi xách của bị cáo D vào ngày 26 tháng 7 năm 2019 (Tổng cộng hai nhóm ma túy là 116,3487 gam ma túy loại Methamphetamine). Số lượng ma túy mà bị cáo V mua bán trái phép là 63,5757 gam thu giữ được tại chỗ ở của các bị cáo D và V vào ngày 31 tháng 5 năm 2019. Bị cáo S đã thực hiện hành vi mua ma túy của bị cáo D mang về tàng trữ để sử dụng là 2,5251 gam loại Methamphetamine.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo D, V nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị cáo S nhận thức được hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), hành vi của bị cáo V đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Bị cáo D có vai trò là người chủ mưu, thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại các điểm g và h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung

năm 2017). Bị cáo V là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phân chia, giúp sức cho bị cáo D bán trái phép chất ma túy, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo S trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” năm 2015 nhưng đã được xóa án tích nên không thuộc trường hợp tái phạm.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo D, V và S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Thông tin bị cáo D có bà nội là người có công với cách mạng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở áp dụng cho bị cáo D. Các tình tiết khác mà người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho các bị cáo không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Đối với người tên là Trương Đức M1 và A2 (không rõ lai lịch, đã bán ma túy cho bị cáo D), Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Dương đã bắt tạm giam đối tượng Trương Đức M1 để điều tra xử lý và tiếp tục điều tra xử lý đối tượng A2 là đúng quy định của pháp luật.

[8] Hành vi mua ma túy để sử dụng của bà Nguyễn Thị Bích T6 và ông Lâm Phú C đã bị xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[9] Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án.

[10] Tại thời điểm bắt giữ bị cáo V, thu giữ 63,5757 gam ma túy. Sau khi thực hiện giám định số lượng ma túy còn lại là 61,3817 gam (Bản kết luận giám định số 429/MT-PC09 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương). Tại thời điểm bắt giữ bị cáo D thu giữ 50,2479 gam ma túy. Sau khi thực hiện giám định số lượng ma túy còn lại là 49,4111 gam (Bản kết luận giám định số 581/MT-PC09 ngày 31 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương). 02 nhóm ma túy này các bị cáo D và V mua bán trái phép nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Tại thời điểm bắt giữ bị cáo S thu giữ 2,5251 gam ma túy. Sau khi thực hiện giám định số lượng ma túy còn lại là 2,2631 gam (Bản kết luận giám định số 583/MT-PC09 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương). Nhóm ma túy này bị cáo S tàng trữ trái phép nên tịch thu tiêu hủy.

[12] 03 (ba) cân điện tử, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ, 01 (một) điện

thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[13] 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng cụ ma túy đá thu giữ của bị cáo V và 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng cụ ma túy đá thu giữ của bị cáo S là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[14] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo và việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm khác với quan điểm của Hội đồng xét xử không được chấp nhận.

[15] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 260; khoản 2 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh D, Huỳnh Thanh V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Huỳnh Hoàng S phạm tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g và h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Thanh D 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh V 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàng S 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2019.

Tịch thu tiêu hủy: 61,3817 gam ma túy (sau giám định) đựng trong 03 (ba) bì thư niêm phong ghi số 429/PC09 (M1), (M2), (M3) được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của người bị bắt Huỳnh Thanh V, cán bộ niêm phong Ngô Minh T8, cán bộ giao mẫu Thái Ngọc T9, cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu tròn đỏ của Công an phường A1, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương (kèm theo Kết luận giám định số 429/MT-PC09 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương); 49,4111 gam ma túy (sau giám định) đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 581/PC09 được niêm phong bằng giấy niêm phong, hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và Công an phường A1, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương, chữ ký của cán bộ niêm phong Hồ Gia B, chữ ký người bị bắt Lê Thanh D (kèm theo Kết luận giám định số 581/MT-PC09 ngày 31 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương); 2,2631 gam ma túy (sau giám định) đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 583/PC09 được niêm phong bằng giấy niêm phong, hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và Công an phường A, thị xã (nay là thành phố) T3, tỉnh Bình Dương, chữ ký của cán bộ niêm phong Vũ Xuân N1, chữ ký người bị bắt Huỳnh Hoàng S, người chứng kiến Đặng Văn H4 và Nguyễn Thị N2 (kèm theo Kết luận giám định số 583/MT-PC09 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương); 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá làm bằng chai nhựa và 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá làm bằng thủy tinh (nỏ thủy tinh bị bể).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 02 (hai) cân điện tử màu đen bạc; 01 (một) cân điện tử màu đen có chữ POCKET SCALE; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, model: 101, số Imel 1: 359738045144021 và Imel 1: 359738045144039 có gắn 01 sim điện thoại ký hiệu 89840509181129790637, không mở nguồn lên được; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu bạc, số Imel: 353289078379775 có gắn 01 sim điện thoại ký hiệu 8401181150738530 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 104 màu đen, số Imel: 356944090602961 có gắn 01 sim điện thoại ký hiệu 8984048008824345376 được đựng trong (01) một bì thư màu trắng được niêm phong ghi vụ 726 ngày 04 tháng 12 năm 2019, có dấu mộc của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, chữ ký của ông Trần Anh T10 và ông Trần Minh T11, theo biên bản đóng gói niêm phong ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

Các vật chứng nêu trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng (Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh Bình Dương tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương).

Các bị cáo Lê Thanh D, Huỳnh Thanh V và Huỳnh Hoàng S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (3);
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (6);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo) (3);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NTN, 24.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh